

Bước đầu tìm hiểu phép so sánh trong tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong
Ký Nguyễn Tuân – Trần Văn Nam (Ngữ văn)

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu văn chương đi theo hướng phân tích diễn ngôn. Những thành tựu của ngôn ngữ học hiện đại ngày càng cho thấy rõ hơn cái định đề “nói là hành động”. Hoạt động của tác giả trong sáng tạo văn chương, ngày nay được hiểu như là một “hành động diễn ngôn” mang tính chủ đích cao. Trong hoạt động đó, ngoài việc tạo ra một không gian tưởng tượng và hư cấu đủ cho các nhân vật vùng vẫy, nhà văn còn phải dụng công “diễn ngôn” sao cho văn bản được tạo ra là duy nhất, không lặp lại. Những hoạt động ngôn từ của tác giả, vì vậy, được coi là một thực tế diễn ngôn có dụng ý cao và độc đáo. Tuy nhiên, vì viết là “để tha nhân đọc và hiểu được ý mình định gửi gắm”, cho nên dầu muốn dầu không, nhà văn vẫn phải tìm một con đường thỏa hiệp hợp lí giữa mình và bạn đọc. Cách dung hòa ấy có thể đi từ hệ thống chủ đề quen thuộc; để bạn đọc dễ hình dung diễn tiến câu chuyện qua kinh nghiệm bản thân); cũng có thể là đi từ các xung đột đầy kịch tính giữa các tình huống éo le kiểu hình sự) nhưng chất văn chương thì tầm thường, nhạt nhẽo. Và trong thực tế tồn tại muôn vàn cách để nhà văn đạt được một dung hòa, một thỏa hiệp như vậy.

Trong văn đàn Việt Nam, có một nhà văn đã không tìm đến một “cách sống chung dễ dãi” như vậy giữa mình và bạn đọc. Ông đặt ra nhiều cách dụng ngôn, bắt người đọc phải suy nghĩ và buộc cũng phải mệt mỏi gần bằng ông khi sáng tạo. Người đọc được ông tôn trọng, được nâng giá trị lên khi đọc ông, và dĩ nhiên được lao động một cách sáng tạo như ông. Đó là Nguyễn Tuân.

1.2. Nguyễn Tuân là một trong số ít những nhà văn được chọn lọc trong chương trình phổ thông với tư cách là một tác gia tiêu biểu với phong cách sáng tạo nghệ thuật độc đáo và có nhiều cống hiến cho văn chương Việt Nam thế kỷ 20. Nguyễn Tuân để lại một sự nghiệp đồ sộ với những trang viết độc đáo, tài hoa xứng đáng là “*một bậc thầy về nghệ thuật ngôn từ*”, “*một nhà văn độc đáo vô*

Bước đầu tìm hiểu phép so sánh trong tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong Ký Nguyễn Tuân – Trần Văn Nam (Ngữ văn) *song mà mỗi dòng chữ tuôn ra đầu ngọn bút đều như có đóng một dấu hiệu riêng*” [37, tr 524]. Ông xứng đáng được coi là một nghệ sĩ lớn. Nguyễn Tuân sáng tác nhiều nhưng với thể loại kí, ông đã khẳng định được hướng đi riêng cho mình mà đến nay chưa ai có thể vượt qua được.

1.3. Nguyễn Tuân luôn có ý thức khám phá và công hiến tài năng của mình cho văn chương. Đọc văn Nguyễn Tuân, ta không thể phủ nhận sự đa dạng về bút pháp trong sự xen kẽ các thao tác của các ngành nghệ thuật khác nhau. Từ trước tới nay chúng ta thấy đã có nhiều công trình nghiên cứu về các sáng tác của Nguyễn Tuân ở nhiều góc độ khác nhau. Song tìm hiểu và nghiên cứu về phép so sánh và hiệu quả của nó trong việc tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong kí của Nguyễn Tuân thì chưa có công trình nào thực hiện.

1.4. Việc lựa chọn kí Nguyễn Tuân làm đối tượng nghiên cứu không chỉ bởi những lí do khách quan nói trên mà còn xuất phát từ những lí do chủ quan. Ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường THPT, chúng tôi đã được làm quen với Nguyễn Tuân qua tác phẩm *Chữ người tử tù*, trích đoạn *Người lái đò sông Đà*, *Tờ hoa*. Tác phẩm đã để lại dấu ấn trong chúng tôi bởi đó là giai điệu của cái đẹp, cái thật mà Nguyễn Tuân đã tạo ra bằng hành trình kiếm tìm của cả cuộc đời mình. Nguyễn Tuân đã vươn lên để khẳng định cái tôi của mình, một cái tôi độc đáo, tài năng. Rồi những hiểu biết sau đó về Nguyễn Tuân đã tạo thêm động lực cho người viết theo đuổi đề tài này.

1.5. Sau cùng, vấn đề giảng dạy văn chương trong nhà trường THPT có liên quan khá nhiều đến văn chương Nguyễn Tuân. Còn có những khó khăn cho giáo viên và học sinh về mặt tư duy trong việc cảm thụ tác phẩm của Nguyễn Tuân qua hệ thống ngôn từ. Bản thân người viết là một giáo viên giảng dạy môn Ngữ văn bậc THPT cũng đã gặp khó khăn này. Luận văn mong được đóng góp một phần vào việc giải quyết những khó khăn đó.

Bước đầu tìm hiểu phép so sánh trong tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong Ký Nguyễn Tuân – Trần Văn Nam (Ngữ văn)

Từ những lí do trên, chúng tôi chọn đề tài “*Phép so sánh trong kí của Nguyễn Tuân*”.

2. Lịch sử nghiên cứu

Bao quát toàn bộ lịch sử nghiên cứu không phải là nhiệm vụ của luận văn này. Nhưng nghiên cứu ngôn ngữ vốn là một phần việc không hoàn toàn tách rời khỏi quy trình nghiên cứu văn nghiệp chung của tác giả. Cho nên, người viết đề cập khái lược lịch sử nghiên cứu về tác gia này.

Nguyễn Đăng Mạnh, trong lời giới thiệu *Tuyển tập Nguyễn Tuân* (NXB Văn học, 1981), đã chỉ ra cái dễ và khó trong tùy bút và đi đến khẳng định sự độc đáo trong tùy bút của Nguyễn Tuân. Với Nguyễn Tuân, cái tôi trong tùy bút là một cái tôi “*với lối chơi độc tấu*” nhưng lại “*có duyên mặn mà*” để người đọc không nhàm chán. Để có được cái duyên này, Nguyễn Tuân đã luôn bút phá lên trên chính mình “*gan góc và bền bỉ phấn đấu*” để không lặp lại chính mình.

Sau cách mạng tháng Tám, cái nhìn của Nguyễn Tuân về thế giới xung quanh đã có sự thay đổi nhiều. Nguyễn Tuân mở rộng lòng và tùy bút của ông “*không chỉ giàu chất hiện thực mang tính thời sự cao mà còn đậm đà chất trữ tình thơ mộng*”. Nhà nghiên cứu Hà Văn Đức còn khẳng định rằng “*chất trữ tình đậm đà được kết hợp với chất trí tuệ sắc sảo đã tạo nên một nét riêng biệt cho tùy bút Nguyễn Tuân*” [34, tr 140]. Và chính điều này đã góp phần tạo nên sự tỏa sáng cho tùy bút Nguyễn Tuân – “*một khối ru-bi nhiều mặt*” mà mặt nào cũng rực rỡ.

Trong *Nguyễn Tuân và thể tùy bút* theo ý kiến của nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn, tùy bút Nguyễn Tuân là sự tiếp nối tản văn của Tản Đà. Nhưng không chỉ có thế, Nguyễn Tuân đã phát triển nó mà ngay Tản Đà cũng không thể ngờ tới sự phát triển vượt bậc như vậy. Viết kí, Nguyễn Tuân là người “*khai sơn phá thạch*” cho một thể tài mới. Bằng tài năng, tâm huyết của mình, Nguyễn Tuân

Bước đầu tìm hiểu phép so sánh trong tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong Ký Nguyễn Tuân – Trần Văn Nam (Ngữ văn) được ghi danh là *“một nhà văn chân chính, có tiềm năng sáng tạo thật sự... Ông sinh ra để viết tùy bút... là một tài năng lớn thật sự”*[37, tr 149].

Đi theo một hướng nghiên cứu khác, Hoài Anh khẳng định Nguyễn Tuân, *nhà nghệ sĩ ngôn từ đã đưa cái đẹp thăng hoa*. Để minh chứng cho ý kiến của mình, tác giả đã khái quát quá trình đi tìm cái đẹp của nhà văn. Theo tác giả bài viết, nếu như trước cách mạng tháng Tám, Nguyễn Tuân tìm kiếm cái đẹp phẳng phát kiêu Liêu Trai thì sau cách mạng tháng Tám, là cái đẹp chân thực. Đó là *“tiếng gió Lào, là tiếng khóc như gào thét với gió độc”*. Nhưng dù là trước hay sau cách mạng tháng Tám, cái đẹp mà Nguyễn Tuân kiếm tìm không phải là *“cái đẹp mơ mộng, nhàn nhạt, phẳng lặng mà là cái đẹp tạo hình, góc cạnh, nhiều khi dữ dội”*[37, tr 191].

Với nhà nghiên cứu Mai Quốc Liên lại có cách nhận định riêng. Ông đi từ sự khẳng định vị thế của Nguyễn Tuân *“là một trong những cây đại thụ rừng đầu nguồn của văn chương Việt Nam”* đến nhận xét về cái đẹp trong văn Nguyễn Tuân. Mai Quốc Liên khẳng định *“Nguyễn Tuân là bậc thầy của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam... là nhà thơ lại bị đóng đinh trên cây thập giá là văn xuôi”* [37, tr 203]. Nguyễn Tuân đi nhiều, biết rộng. Trong con người ông hội tụ đủ đầy vốn văn hóa Đông – Tây và ông lại chế biến rất văn hóa tạo nên một Nguyễn Tuân *“độc đáo vô song”*....

Trong các công trình nghiên cứu của mình, các tác giả đều khẳng định sự tài năng của Nguyễn Tuân trên các phương diện sáng tác của ông. Phép so sánh trong các sáng tác của Nguyễn Tuân cũng được một số nhà nghiên cứu đề cập tới nhưng chỉ tập trung trong một vài sáng tác cụ thể. Đó chỉ là những ý kiến đánh giá riêng lẻ, chưa thành một hệ thống. Với luận văn này, chúng tôi cố gắng khảo sát một cách có hệ thống phép so sánh trong các tác phẩm ký của Nguyễn Tuân trên tinh thần tiếp thu những thành quả của các nhà nghiên cứu đi trước.

Bước đầu tìm hiểu phép so sánh trong tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong Ký Nguyễn Tuân – Trần Văn Nam (Ngữ văn)

3. Mục đích và đối tượng nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của công trình nghiên cứu là tìm hiểu phép so sánh và hiệu quả của nó trong kí của Nguyễn Tuân.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Tác phẩm ký của Nguyễn Tuân sau 1945

4. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn đề ra những nhiệm vụ sau:

- Giới thiệu được những nét cơ bản về Nguyễn Tuân và thể kí. Phân biệt thể loại kí với một số thể loại văn học khác.
- Nêu được cơ sở khoa học của phép so sánh và lực dụng học của phép so sánh này, nhất là trong sáng tác văn chương.
- Khảo sát tư liệu tìm ra các dạng so sánh trong kí Nguyễn Tuân đồng thời tìm hiểu bước đầu công dụng của phép so sánh này trong thi pháp của Nguyễn Tuân.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Các dạng so sánh mà Nguyễn Tuân đã dùng trong kí. Tư liệu được rút ra từ các bài kí trong Tuyển tập Nguyễn Tuân, NXB Văn học, 2005, 3 tập)

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thống kê, phân loại

Trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi tiến hành thống kê các ngữ liệu có chứa phép so sánh. Sau đó phân loại thành các kiểu loại khác nhau theo những tiêu chí nhất định, làm cơ sở cho việc phân tích, lí giải và đánh giá.

5.2. Phương pháp phân tích diễn ngôn

Bước đầu tìm hiểu phép so sánh trong tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong Ký Nguyễn Tuân – Trần Văn Nam (Ngữ văn)

Trên cơ sở kết quả thống kê và phân loại, chúng tôi đi phân tích chỉ ra tác dụng của phép so sánh trong các ví dụ cụ thể để thấy được tác dụng của chúng trong việc góp phần tạo ra sự hấp dẫn cho câu văn.

5.3. Phương pháp phân tích – tổng hợp

Từ việc phân tích các ví dụ cụ thể, cấu trúc của ví dụ, chúng tôi đi đến khái quát những đặc điểm cơ bản của phép so sánh trong kí của Nguyễn Tuân.

6. Đóng góp của luận văn

- Đề tài của luận văn là sự tiếp nối những công trình khoa học nghiên cứu về tác gia Nguyễn Tuân. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu chúng tôi cố gắng tìm ra điểm mới khi đi sâu nghiên cứu “*Phép so sánh trong kí của Nguyễn Tuân*” – một lĩnh vực chưa được nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống.

- Đề tài: *Phép so sánh trong kí của Nguyễn Tuân* góp phần làm rõ hơn phong cách và đặc điểm thể loại ký của Nguyễn Tuân, đặc biệt là các tác phẩm kí được chọn để nghiên cứu trong luận văn. Trong một chừng mực có thể thử lí giải tại sao so sánh lại hay được dùng trong thể kí hơn là ở các thể loại văn xuôi khác.

7. Cấu trúc luận văn

MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu
2. Lịch sử nghiên cứu
3. Mục đích và đối tượng nghiên cứu
4. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu
5. Phương pháp nghiên cứu
6. Đóng góp của luận văn
7. Cấu trúc luận văn

NỘI DUNG

Chương 1: CƠ SỞ LÍ LUẬN

Bước đầu tìm hiểu phép so sánh trong tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong
Ký Nguyễn Tuân – Trần Văn Nam (Ngữ văn)

- 1.1. Phép so sánh và Cấu trúc so sánh
- 1.2. Thể loại kí
- 1.3. Giới thiệu về Nguyễn Tuân và tác phẩm
- 1.4. Tiểu kết

Chương 2: PHÉP SO SÁNH TRONG KÍ NGUYỄN TUÂN

- 2.1. Cấu trúc so sánh trong kí Nguyễn Tuân
- 2.2. Mô tả cấu trúc theo đặc điểm ngữ pháp
- 2.3. Mô tả cấu trúc so sánh theo nội dung (ngữ nghĩa) ở các vế
- 2.4. Tiểu kết

Chương 3: BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT CỦA PHÉP SO SÁNH TRONG KÍ NGUYỄN TUÂN

- 3.1. Dẫn nhập
- 3.2. Khai thác khả năng mở rộng các vế trong so sánh
- 3.3. Khai thác tương quan về nội dung giữa các vế
- 3.4. Nhận xét về hiệu lực so sánh trong kí Nguyễn Tuân
- 3.5. Tiểu kết

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bước đầu tìm hiểu phép so sánh trong tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong
Ký Nguyễn Tuân – Trần Văn Nam (Ngữ văn)

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Phép so sánh và Cấu trúc so sánh

1.1.1. Khái niệm so sánh

So sánh là một thao tác của tư duy. Đó là thao tác đem sự vật này đối chiếu với sự vật khác để tìm ra nét tương đồng và khác biệt giữa chúng. Thuật ngữ *so sánh* trong tiếng Việt được dùng để chỉ một biện pháp được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống. Mục từ *so sánh* trong *Từ điển tiếng Việt* được định nghĩa: “*nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau hoặc sự hơn kém*”. [37, tr1067]

Nhìn từ góc độ của phong cách học, *so sánh* là một phương thức phổ biến trong mọi ngôn ngữ. Vì thế, đây cũng là một trong những vấn đề được các nhà ngôn ngữ học quan tâm nghiên cứu. Tiêu biểu có A.Ju.Xtêpannov với *Phong cách học tiếng Pháp* (1965), Vinôgradov với *Phong cách học tiếng Nga* (1969), Môren với *Phong cách học tiếng Pháp* (1970), ... Những công trình này được giới thiệu ở Việt Nam góp phần làm sáng tỏ về mặt lý thuyết và ứng dụng của phương thức so sánh cũng như khẳng định giá trị của phương thức này trong sáng tạo hình tượng nghệ thuật.

Phương thức so sánh cũng sớm được các nhà ngôn ngữ học nước ta đề cập đến. Bắt đầu từ những năm 60 của thế kỉ XX, khi các công trình nghiên cứu về tiếng Việt xuất hiện, so sánh cũng được nhắc đến trong các bài giảng về phong cách học.

Có thể kể đến những công trình nghiên cứu có đề cập tới so sánh như: *Giáo trình Việt ngữ, 99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt* của Đinh Trọng Lạc; *Phong cách học tiếng Việt* của Đinh Trọng Lạc và Nguyễn Thái Hòa, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt* của Cù Đình Tú, *Phong cách học tiếng Việt* của Hữu Đạt; ...

Bước đầu tìm hiểu phép so sánh trong tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong Ký Nguyễn Tuân – Trần Văn Nam (Ngữ văn)

Trong những công trình kể trên, hầu hết các tác giả đều đưa ra sự phân biệt giữa *so sánh tu từ* và *so sánh logic* (so sánh luận lí). Theo các tác giả này, trong so sánh logic, cái được so sánh và cái so sánh là các đối tượng cùng loại. Và mục đích của so sánh là xác lập sự tương đương giữa hai đối tượng. Ví dụ:

- *Bố nặng cân hơn mẹ.*

- *Anh chạy nhanh hơn tôi.*

- Giá trị của $(a + b)^2$ bằng giá trị của $(a^2 + 2ab + b^2)$.

So sánh tu từ khác *so sánh logic* ở tính hình tượng, tính biểu cảm và tính dị loại (không cùng loại) của sự vật. Ví dụ:

- *Thân em như giếng giữa làng*

Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.

(Ca dao)

- *Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ*

Cỏ đón giêng, hai, chim én gặp mùa...

(Chế Lan Viên)

Với sự phân biệt nói trên, những khái niệm được đưa ra trong các giáo trình phong cách học đều định nghĩa so sánh với tư cách là một trong những biện pháp tu từ ngữ nghĩa.

Trong cuốn *Giáo trình Việt ngữ*, tác giả Đinh Trọng Lạc đã quan niệm: “*So sánh là định nghĩa sự vật, hiện tượng hoặc khái niệm ở trong ngôn ngữ nghệ thuật thông qua sự so sánh chúng với hiện tượng hoặc khái niệm có cùng dấu hiệu chung. Mục đích so sánh là để cụ thể hóa những sự vật trừu tượng để người đọc dễ hiểu, dễ hình dung ra hơn.*” Ở giáo trình này, tác giả chủ yếu khảo sát hình thức biểu hiện của so sánh. Tiếp đó, trong *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, tác giả Đinh Trọng Lạc đã có cách nhận diện so sánh tu từ rõ ràng và đầy đủ hơn: “*So sánh tu từ là một biện pháp tu từ ngữ nghĩa, trong đó người ta đối chiếu hai đối tượng khác loại của thực tế khách quan không đồng nhất với*

Bước đầu tìm hiểu phép so sánh trong tổ chức các thông điệp nghệ thuật trong Ký Nguyễn Tuân – Trần Văn Nam (Ngữ văn) *nhau hoàn toàn mà chỉ có một nét giống nhau nào đó, nhằm diễn tả bằng hình ảnh một lối tri giác mới mẻ về đối tượng*” [30, tr 154].

Sau này, các tác giả Đinh Trọng Lạc và Nguyễn Thái Hòa trong giáo trình *Phong cách học tiếng Việt* cũng đưa ra định nghĩa về so sánh: “So sánh là phương thức diễn đạt tu từ khi đem sự vật này đối chiếu với sự vật khác miễn là giữa hai sự vật có một nét tương đồng nào đó, để gợi ra hình ảnh cụ thể, những cảm xúc thẩm mỹ trong nhận thức của người đọc, người nghe” [29, tr 190].

Theo Cù Đình Tú trong *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, “So sánh tu từ là cách công khai đối chiếu hai hay nhiều đối tượng cùng có một dấu hiệu chung nào đấy (nét giống nhau) nhằm diễn tả một cách hình ảnh đặc điểm của một đối tượng” [49, tr 272]...

Như vậy, theo nhiều quan niệm của các nhà nghiên cứu đã nêu ở trên, chúng ta có thể rút ra một vài đặc điểm của phương thức so sánh như sau:

- So sánh là việc đối chiếu ít nhất hai sự vật, hiện tượng theo một phương diện nào đó.
- Những sự vật, hiện tượng đưa ra đối chiếu phải khác loại.
- Những sự vật, hiện tượng đưa ra đối chiếu phải có nét tương đồng sâu xa nào đó trong những ngữ cảnh nhất định mà giác quan có thể nhận biết được.
- Đối chiếu để tìm ra các nét giống nhau và khác biệt giữa các đối tượng được so sánh và so sánh.

1.1.2. Cấu trúc so sánh

1.1.2.1. Có nhiều quan niệm khác nhau về cấu trúc so sánh

Theo Đinh Trọng Lạc và Nguyễn Thái Hòa trong *Phong cách học tiếng Việt*, hình thức đầy đủ nhất của phương thức so sánh gồm 4 yếu tố:

- a. Cái cần được so sánh, kí hiệu là (A)
- b. Cơ sở so sánh, kí hiệu là (t)
- c. Từ so sánh, kí hiệu là (tss)